

Bản án số: 133/2018/DS-PT

Ngày 02-10-2018

“V/v: Chia tài sản chung sau ly
hôn và yêu cầu hủy GCNQSDĐ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Bà Bùi Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 122/2018/TLPT- DS ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122A/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Dương Thị K.** Địa chỉ: thôn 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Hữu N.** Địa chỉ: xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum (đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N:

1. Bà **Xa Thị K1**.

Địa chỉ: thôn 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

2. Cháu **Bùi Thanh T**, sinh ngày 16/9/2009.

Người đại diện hợp pháp của cháu Thảo: Bà **Xa Thị K1** (mẹ của cháu Thảo).

Địa chỉ: thôn 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum,.

3. Anh **Bùi Hữu H**. Địa chỉ: thôn 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

4. Anh **Bùi Hữu B**. Địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Xa Thị K1**. Địa chỉ: thôn 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

2. Anh **Bùi Hữu H**. Địa chỉ: thôn 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Anh **Bùi Hữu B**. Địa chỉ: quận N, thành phố Đà Nẵng.

4. **UBND huyện Đ, tỉnh Kon Tum**. Địa chỉ: Khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

5. **Ngân hàng X Phòng giao dịch N**. Địa chỉ: 831 Hùng Vương, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

6. Ông **Nguyễn Đức Thiên T**.

7. Bà **Nguyễn Thị H**.

Cùng trú tại: thôn 4, thị trấn P, N, Kon Tum.

Người kháng cáo: Bà Dương Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2017 bà Dương Thị K trình bày:

Bà Dương Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum đứng tên ông Bùi Hữu N. Lý do đề nghị hủy: đây là tài sản chung chưa chia sau ly hôn giữa ông Bùi Hữu N với bà.

Tại đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2017, bà Dương Thị K trình bày:

Bà Dương Thị K bổ sung yêu cầu chia tài sản sau ly hôn như sau:

Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giải quyết: chia 02 thửa đất nông nghiệp tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum đứng tên ông Bùi Hữu N cho hai con của bà và ông N là Bùi Hữu H và Bùi Hữu B và yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 lô đất trên, cụ thể :

1/ Thừa đất số 22, tờ bản đồ số 30, diện tích 10.008,5m² tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Đất đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất số CH 01475 ngày 31/3/2016 cho ông Bùi Hữu N đứng tên.

2/ Thừa đất số 35, tờ bản đồ số 29, diện tích 17.125,5m² tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Đất đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất số CH 01478 ngày 31/3/2016 cho ông Bùi Hữu N đứng tên.

Nguồn gốc thừa đất số 22: bà C, ông M ở khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum cho bà và ông Bùi Hữu N vào năm 1998.

Nguồn gốc thừa đất số 35: bà Y L, ông S ở khối 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum cho bà và ông Bùi Hữu N vào năm 1998.

Lý do bà yêu cầu hủy 02 GCNQSD đất vì đây là tài sản chung của bà và ông N trong thời kỳ sống chung như vợ chồng nhưng chưa chia. Sau khi có bản án số 98/LHST ngày 27/8/2003 của TAND huyện T, bà và ông N có thỏa thuận 02 lô đất này để lại cho 02 con là Bùi Hữu H và Bùi Hữu B, đã kê khai tên Bùi Hữu H, Bùi Hữu B trên hồ sơ địa chính của UBND xã N, huyện Đ. Việc thỏa thuận này bằng miệng giữa bà và ông N chứ không lập thành văn bản nhưng có bà Xa Thị K1 biết.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2017, bị đơn - ông Bùi Hữu N trình bày:

Ông và bà K hiện không còn là vợ chồng. Hai người chung sống với nhau, có đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Năm 2003, TAND huyện T, thành phố Hải Phòng đã ra bản án không công nhận ông và bà K là vợ chồng và không giải quyết tài sản chung. Ông và bà K có 02 con chung là anh Bùi Hữu H và anh Bùi Hữu B. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà K vì 02 lô đất này là tài sản riêng của ông. Nguồn gốc do ông bắt đầu khai hoang từ năm 1998. Bà K không có công sức đóng góp gì vì ông và bà K có kinh tế riêng. Ông không có thỏa thuận nào về nội dung cho anh Bùi Hữu H và anh Bùi Hữu B 02 lô đất này.

Ngày 16/7/2017, ông Bùi Hữu N chết.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N trình bày:

Bà Xa Thị K1 - vợ ông N và là người đại diện hợp pháp của cháu Bùi Thanh T trình bày: Tôi là vợ của ông N, có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2012 tại UBND xã B, huyện N. Tôi và ông N bắt đầu sống chung từ tháng 5/2006 và có 01 con gái chung là cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 16/9/2009. 02 lô đất do ông N khai hoang được, ông N đã có trước khi sống chung với tôi. Từ năm 2007, tôi và ông N bắt đầu trồng cao su, cà phê, đào ao cá và dựng nhà trên đất như biên bản xem xét tại chỗ ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên, cao su, cà phê, ao cá, nhà tạm, bà K đang yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết nên tôi không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của chồng tôi là ông Bùi Hữu N (đã chết) và là người đại diện hợp pháp cho con tôi là cháu Bùi Thanh T, tôi hoàn toàn không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của bà K về việc hủy sổ đỏ 02 lô đất này và chia cho Bùi Hữu H và Bùi Hữu B. Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 lô đất trên hiện đang thế chấp tại Ngân hàng X Phòng giao dịch N, theo hợp đồng cho vay từng lần số 478NH/2017-HĐCVTL/NHCTT5 và hợp đồng thế chấp QSD đất số 478NH/2017/HĐTC ngày 06/7/2017, số tiền vay 300.000.000 đồng, mới trả được 02 tháng tiền lãi, gốc vẫn còn nợ nguyên. Bản gốc 02 sổ đỏ này hiện nay Ngân hàng đang giữ. Số tiền này tôi và ông N cùng vay để đầu tư vào việc chăm sóc cao su, cà phê và xây nhà tạm trên diện tích 02 lô đất mà bà K tranh chấp trong vụ án này. Nếu Tòa án xử phân chia ai là người được hưởng phần của chồng tôi (ông N đã chết) thì người đó phải có trách nhiệm trả khoản nợ này cho Ngân hàng theo tỷ lệ được hưởng.

Ông Bùi Hữu H — người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Bùi Hữu N, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Bùi Hữu N và bà Dương Thị K là bố, mẹ đẻ của anh. Hai người đã ly hôn. Năm 2010, bố, mẹ anh đã thống nhất cho anh và đã được các cơ quan chức năng đo, vẽ lên mạng quản lý của địa chính về đất đai thừa số 35, tờ bản đồ số 29 (tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum). Tháng 3/2016, ông N đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 461479, sổ vào sổ cấp CH 01475 ngày 31/3/2016 đứng tên ông N. Do đó, anh đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên của ông N và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp GCNQSD đất mang tên anh (Bùi Hữu H).

Ông Bùi Hữu B - người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Bùi Hữu N, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Bùi Hữu N và bà Dương Thị K là bố, mẹ đẻ của anh. Hai người đã ly hôn. Năm 2003, anh (Ba) về quê ở với bà K đến cuối năm 2006. Năm 2010, bố, mẹ anh đã thống nhất cho anh và đã được các cơ quan chức năng đo, vẽ lên mạng quản lý của địa chính về đất đai thừa số 22, tờ bản đồ số 30 (tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum). Tháng 3/2016, ông N đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 461479, sổ vào sổ cấp CH 01475 ngày 31/3/2016 đứng tên ông N. Do đó, anh đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên của ông N và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp GCNQSD đất mang tên anh (Bùi Hữu B).

Đại diện Ngân hàng X trình bày:

Quyền sử dụng 02 lô đất đang tranh chấp đã được ông Bùi Hữu N và bà Xa Thị K1 thế chấp cho Ngân hàng để vay số tiền 400.000.000 đồng, dư nợ hiện tại còn 300.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 06/7/2017 đến ngày 06/7/2018. Ngân hàng và ông N, bà K1 đã lập hợp đồng tín dụng số 478

NH/2017/HĐCVTL/NHCT510-BUIHUUNGAN ngày 06/7/2017 và hợp đồng thế chấp số 478NH/2017/HĐTC ngày 06/7/2017. Bản gốc giấy chứng nhận 02 lô đất này hiện nay Ngân hàng đang giữ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (05/02/2018), ông N và bà K1 còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 300.000.000 đồng và đã trả lãi đến tháng 01/2018.

Nay, các đương sự tranh chấp 02 lô đất này, Ngân hàng có ý kiến như sau: Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum và vợ chồng ông Bùi Hữu N, bà Xa Thị K1 như nêu trên hiện nay chưa đến hạn nên Ngân hàng chúng tôi chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Toàn bộ diện tích của 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông N, bà K1 thế chấp tại Ngân hàng chúng tôi để vay 300.000.000 đồng. Khi nào bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án quyết định ai là người có quyền sử dụng đối với 02 lô đất này thì Ngân hàng chúng tôi sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Đại diện UBND huyện Đ - ông Phạm Ngọc C - Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ, tỉnh Kon Tum trình bày:

Trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là “giấy chứng nhận”) 02 thửa đất đang tranh chấp đối với ông Bùi Hữu N đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

Ngày 22/10/2015, ông Bùi Hữu N nộp hồ sơ tại UBND xã N để xin cấp Giấy chứng nhận đối với 02 thửa đất đang tranh chấp.

Ngày 14/12/2015, UBND xã N tổ chức họp Hội đồng tư vấn đăng ký đất đai để xét duyệt các hồ sơ đăng ký đất đai trên địa bàn xã, trong đó có hồ sơ của ông Bùi Hữu N và hồ sơ của ông N được Hội đồng xét duyệt là đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận. Cùng ngày, UBND xã N đã ra Thông báo số 97/TB-UBND về việc công khai hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau khi kết thúc thời gian công khai hồ sơ (15 ngày làm việc); đến ngày 07/01/2016, UBND xã N đã lập biên bản kết thúc việc công khai kết quả xét duyệt đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; trong thời gian công khai hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận, UBND xã không nhận được bất cứ đơn khiếu nại của người sử dụng đất nào liên quan đến các trường hợp được công khai.

Trên cơ sở hồ sơ do UBND xã N gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, thì trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận do UBND xã lập đúng quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Sau khi thẩm định, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liên với đất cho các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum cho các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận QSD đất; trong đó có trường hợp ông Bùi Hữu N đủ điều kiện và đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với 02 thửa đất trên.

Việc UBND huyện Đ cấp 02 Giấy chứng nhận nêu trên cho ông Bùi Hữu N, thường trú tại xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum là đảm bảo trình tự, thủ tục, đúng quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc đất: Theo đơn đăng ký cấp GCNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 22/10/2015 của ông Bùi Hữu N, thì nguồn gốc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 30, diện tích 10.008,5m² tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum là do gia đình ông N khai hoang vào tháng 2/2012. Còn thửa đất số 35, tờ bản đồ số 29, diện tích 17.125,5m² tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum thì ông N cũng trình bày theo đơn đăng ký cấp GCNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 22/10/2015 là do gia đình ông N khai hoang vào tháng 3/2002.

GCNQSD đất nêu trên đã được cấp đúng pháp luật nên UBND huyện Đ không đồng ý với yêu cầu hủy 02 GCNQSD đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Nguyễn Đức Thiên T trình bày: Tôi thuê đất của ông N từ ngày 04/10/2015- 04/10/2019 hết hạn, với số tiền thuê 30 triệu/năm. Tôi đã đưa cho ông N tiền thuê 1 năm, 30 triệu rồi. Sau khi thu hoạch cà phê, mủ cao su mới trả, có quyền sử dụng ao cá. Tôi muốn chấm dứt hợp đồng này do đất có tranh chấp, số tiền tôi đã đưa cho ông N, tôi sẽ có ý kiến tại Tòa án huyện N đang thụ lý, giải quyết tranh chấp hoa lợi của bà K và ông N trên 02 lô đất này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 05/02/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 34, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 459, 500, 501, 502, 688 Bộ luật Dân sự 2015 và các Điều 97, 98, 99 và 100 Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị K về chia tài sản chung sau khi ly hôn và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/2/2018, bà Dương Thị K nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo:

- Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi nhận đơn đến khi đưa vụ án ra xét xử.
- Áp dụng pháp luật trong quá trình xét xử trái với qui định pháp luật hiện hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Dương Thị K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Tại đơn khởi kiện ngày 6/2/2017, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xem là quyết định hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự là không đúng. Ngày 24/9/2017, bà K có bổ sung đơn khởi kiện nhưng nội dung bổ sung không thể hiện tranh chấp chia tài sản sau ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp nên thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- [1] Tại đơn khởi kiện ngày 06/02/2017, bà Dương Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum đứng tên ông Bùi Hữu N. Lý do đề nghị hủy bà cho rằng đây là tài sản chung chưa chia sau ly hôn giữa ông Bùi Hữu N với bà.
- [2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2017, bà K tiếp tục khẳng định yêu cầu khởi kiện hủy hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Bùi Hữu N và không có yêu cầu gì khác.
- [3] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xem là Quyết định hành chính (theo văn bản số 02/CV-TA ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao). Do đó, với yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị K, Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng hành chính. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án dân sự số 176/TB-TLVA ngày 24/04/2017 về việc: “Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là không đúng pháp luật tố tụng.
- [4] Trong trường hợp Tòa án xác định vụ án đó không phải là vụ án dân sự mà là vụ án hành chính và việc giải quyết vụ án này thuộc thẩm quyền của mình thì Tòa án giải quyết vụ án đó theo thủ tục do pháp luật tố tụng hành chính quy định, đồng thời thông báo cho đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp.
- [5] Ngày 24/9/2017, bà Dương Thị K viết văn bản bổ sung đơn khởi kiện, có nội dung:

“Gia đình tôi đã bàn bạc, thống nhất phân chia hai thửa đất nông nghiệp

tại thôn Đ, xã N, huyện Đ cho hai đứa con đứng tên như sau:

1 Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 30, diện tích đất 10.008.5m² tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Đất đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01775 ngày 31/3/2016 cho ông Bùi Hữu N đứng tên. Tôi yêu cầu Tòa án chia lô đất này cho con Bùi Hữu B (Như đã lên mạng quản lý đất đai xã N hiện hành)

2 Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 29, diện tích 17.125.5m² tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Đất đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01478, ngày 31/3/2016 cho ông Bùi Hữu N đứng tên. Tôi yêu cầu Tòa án chia lô đất này cho con Bùi Hữu H (Như đã lên mạng quản lý đất đai xã N hiện hành)

Với lý do như trên. Tôi yêu cầu Tòa án tỉnh hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai lô đất trên đứng tên ông Bùi Hữu N. Để tôi là mẹ đẻ của hai đứa con trai (Bùi Hữu H, Bùi Hữu B) được yêu cầu Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hai con của tôi là Bùi Hữu H và Bùi Hữu B đối với hai lô đất tôi đã phân chia ở trên theo qui định của pháp luật hiện hành”

[6] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nội dung bổ sung đơn khởi kiện của bà K và thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện: “Chia hai thửa đất nông nghiệp đứng tên ông Bùi Hữu N cho hai con của bà và ông N là Bùi Hữu H và Bùi Hữu B” tại Thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 959/TB-TLVA ngày 02/10/2017.

[7] Xét thấy: Ngay từ đơn khởi kiện ban đầu ngày 06/02/2017, với yêu cầu hủy bỏ hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tại thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum đứng tên ông Bùi Hữu N, Tòa án phải thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng hành chính. Việc bổ sung yêu cầu khởi kiện có nội dung tranh chấp dân sự không thể làm thay đổi thủ tục tố tụng giải quyết vụ án. Việc Tòa án hướng dẫn đương sự bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện dân sự để tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự là không đúng.

[8] Mặt khác, yêu cầu bổ sung của bà K không thể xem là tranh chấp dân sự về chia tài sản chung sau ly hôn, vì tranh chấp về chia tài sản chung là tranh chấp giữa các chủ thể là đồng sở hữu về việc xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung. Bà K có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định và chia phần tài sản của bà trong khối tài sản chung với ông N. Bà K không có quyền yêu cầu chia hai thửa đất đang đứng tên ông Bùi Hữu N cho ông Bùi Hữu H và ông Bùi Hữu B. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà K và xác định tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn là xác định không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[9] Trong trường hợp giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về chia tài sản chung, các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà K và ông N ly hôn vào ngày 27/8/2003. Tại bản án ly hôn, bà K trình bày về tài sản chung: “vợ chồng có một xe máy Dream chưa đăng ký, 03 ha đồi chưa có bìa đỏ; một đồi trồng cà phê (hơn 1.000 gốc) chưa cấp bìa đỏ...”. Tại đơn trình bày nguồn gốc sử dụng

đất ngày 22/10/2015, ông N khai: “Tháng 2 năm 2002 gia đình tôi có khai hoang thửa đất để trồng mỳ”. Tại bản tự khai ngày 22/5/2017, ông N khai nguồn gốc lô đất tạo lập năm 1998. Mặc dù có sự khác nhau giữa các lời khai của đương sự nhưng có thể xác định hai thửa đất đang đứng tên ông N được tạo lập trong thời gian ông N và bà K chung sống như vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét công sức của bà K đối với hai thửa đất là không phù hợp với qui định tại Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[10] Bản án sơ thẩm sai sót về tính án phí. Trong trường hợp giải quyết tranh chấp dân sự về tài sản chung, theo qui định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung thì bà K chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà K phải chịu 12.264.568đ án phí dân sự sơ thẩm là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà K.

[11] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án; cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

[12] Bà Dương Thị K không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị K;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

Hoàn trả tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ cho bà Dương Thị K, đã nộp tại biên lai số AA/2014/0002063 ngày 01/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự